

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

***Mâu thuẫn trong nền kinh
tế thị trường***

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng Cộng Sản Việt Nam, nước ta chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng: giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tăng trưởng khá, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều, đời sống của các tầng lớp nhân dân tiếp tục được cải thiện, tình hình chính trị – xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng an ninh được tăng cường, thế và lực của nước ta được nâng cao trên trường quốc tế... Tuy nhiên trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn có nhiều mâu thuẫn cần phải giải quyết như: sự phân hoá giàu nghèo có xu hướng gia tăng, nạn thất nghiệp vẫn còn chưa được giải quyết, vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện công bằng trong phân phối thu nhập... Đây là những vấn đề vừa cấp bách vừa thường xuyên, lâu dài và cũng là vấn đề quan trọng nhất trong đời sống kinh tế xã hội ở nước ta. Vì vậy, nước ta cần tìm giải pháp để giải quyết những mâu thuẫn trên một cách triệt để nhằm xây dựng một nhà nước xã hội chủ nghĩa ngày một hoàn thiện hơn.

Chính vì vậy trong quá trình học môn Triết học Mác – Lênin em đã chọn đề tài: **“Những mâu thuẫn trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay – Thực trạng và phương hướng giải quyết”** để viết tiểu luận. Tuy nhiên do trình độ hiểu biết và thời gian tìm hiểu môn học còn hạn chế nên bài tiểu luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em mong được sự góp ý của thầy giáo và các bạn để bài tiểu luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Mai Xuân Hợi đã giúp đỡ em trong quá trình tìm hiểu môn học Triết học Mác – Lênin và thực hiện đề tài này.

NỘI DUNG CHI TIẾT

I. SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM.

1. Sự cần thiết khách quan:

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế hàng hoá là một kiểu tổ chức kinh tế - xã hội, mà trong đó sản phẩm sản xuất ra để trao đổi, để bán trên thị trường. Mục đích của sản xuất trong kinh tế hàng hoá không phải để thoả mãn nhu cầu trực tiếp của người sản xuất ra sản phẩm mà nhằm để bán, tức là để thoả mãn nhu cầu của người mua đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Kinh tế thị trường là trình độ phát triển cao của kinh tế hàng hoá, trong đó toàn bộ các yếu tố “đầu vào” và “đầu ra” của sản xuất đều thông qua thị trường. Kinh tế hàng hoá và kinh tế thị trường không đồng nhất với nhau, chúng khác nhau về trình độ phát triển. Về cơ bản chúng có cùng nguồn gốc và cùng bản chất.

Theo C.Mác, sản xuất và lưu thông hàng hoá là hiện tượng vốn có của nhiều hình thái kinh tế - xã hội. Những điều kiện ra đời và tồn tại của kinh tế hàng hoá cũng như các trình độ phát triển của nó do sự phát triển của lực lượng sản xuất tạo ra.

2. Cơ sở khách quan của sự tồn tại và phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam là:

Phân công lao động xã hội với tính cách là cơ sở chung của sản xuất hàng hoá chẳng những không mất đi, mà trái lại còn được phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Phân công lao động trong từng khu vực, từng địa phương ngày càng phát triển. Sự phát triển của phân công lao động được thể hiện ở tính phong phú, đa dạng và chất lượng ngày càng cao của sản phẩm đưa ra trao đổi trên thị trường.

Trong nền kinh tế nước ta, tồn tại nhiều hình thức sở hữu. Đó là: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân (gồm sở hữu cá thể, sở hữu tiểu chủ, sở hữu tư bản tư nhân), sở hữu hỗn hợp. Do đó tồn

tại nhiều chủ thể kinh tế độc lập, có lợi ích riêng, nên quan hệ kinh tế giữa họ chỉ có thể thực hiện bằng quan hệ hàng hoá tiền tệ.

Thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, tuy cùng dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, nhưng các đơn vị kinh tế vẫn có sự khác biệt nhất định, có quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, có lợi ích riêng. Mặt khác các đơn vị kinh tế còn có sự khác nhau về trình độ kỹ thuật – công nghệ, về trình độ tổ chức quản lý, nên chi phí sản xuất và hiệu quả sản xuất cũng khác nhau.

Quan hệ hàng hoá - tiền tệ còn cần thiết trong quan hệ kinh tế đối ngoại, đặc biệt trong điều kiện phân công lao động quốc tế đang phát triển ngày càng sâu sắc, vì mỗi nước là một quốc gia riêng biệt, là người chủ sở hữu đối với các hàng hoá đưa ra trao đổi trên thị trường thế giới. Sự trao đổi này phải tuân theo nguyên tắc ngang giá.

Như vậy nền kinh tế thị trường ở nước ta là một tồn tại tất yếu, khách quan, thì không thể lấy ý chí chủ quan mà xoá bỏ nó được.

3. Tác dụng to lớn của sự phát triển kinh tế thị trường

Nền kinh tế nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn mang nặng tính tự túc, tự cấp, vì vậy sản xuất hàng hoá phát triển sẽ phá vỡ dần kinh tế tự nhiên và chuyển thành nền kinh tế hàng hoá, thúc đẩy sự xã hội hoá sản xuất.

Kinh tế hàng hoá tạo ra động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Do cạnh tranh giữa những người sản xuất hàng hoá, buộc mỗi chủ thể sản xuất phải cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất để giảm chi phí sản xuất đến mức tối thiểu nhờ đó có thể cạnh tranh được về giá cả, đứng vững trong cạnh tranh. Quá trình đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, nâng cao năng xuất lao động xã hội.

Trong nền kinh tế hàng hoá, người sản xuất phải căn cứ vào nhu cầu của người tiêu dùng, của thị trường để quyết định sản xuất sản phẩm gì, với khối lượng bao nhiêu, chất lượng như thế nào. Do đó, kinh tế hàng hoá kích thích tính năng động, sáng tạo của chủ thể kinh tế, kích thích việc nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã, cũng như tăng khối lượng hàng hoá và dịch vụ.

Phân công lao động xã hội là điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá, đến lượt nó sự phát triển kinh tế hàng hoá sẽ thúc đẩy sự phân công lao động xã hội và chuyên môn hoá sản xuất. Vì thế phát huy được tiềm năng, lợi thế của từng vùng, cũng như lợi thế của đất nước có tác dụng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Sự phát triển của kinh tế thị trường sẽ thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung sản xuất, do đó tạo điều kiện ra đời của sản xuất lớn có xã hội hoá cao; đồng thời chọn lọc được những người sản xuất kinh doanh giỏi, hình thành đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ lao động lành nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước.

Như vậy, phát triển kinh tế thị trường là một tất yếu kinh tế đối với nước ta, một nhiệm vụ kinh tế cấp bách để chuyển nền kinh tế lạc hậu của nước ta thành nền kinh tế hiện đại, hội nhập vào sự phân công lao động quốc tế. Đó là con đường đúng đắn để phát triển lực lượng sản xuất, khai thác có hiệu quả tiềm năng của đất nước vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thực tiễn những năm đổi mới đã chứng minh rằng, việc chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần là hoàn toàn đúng đắn. Nhờ sự phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, chúng ta đã bước đầu khai thác được tiềm năng trong nước và thu hút được vốn, kỹ thuật công nghệ của nước ngoài, giải phóng được năng lực sản xuất, góp phần quyết định vào việc bảo đảm tăng trưởng kinh tế với nhịp độ tương đối cao trong thời gian qua.

Trình độ phát triển của kinh tế thị trường có liên quan mật thiết với các giai đoạn phát triển của lực lượng sản xuất. Về đại thể, kinh tế hàng hoá phát triển qua ba giai đoạn tương ứng với ba giai đoạn phát triển của lực lượng sản xuất: sản xuất hàng hoá giản đơn, kinh tế thị trường tự do, kinh tế thị trường hiện đại.

Nước ta đang thực hiện chuyển đổi nền kinh tế, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế hàng hoá. Mô hình kinh tế của Việt Nam được xác định là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, định hướng xã hội chủ nghĩa (nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa).

Hiện nay, nền kinh tế nước ta còn ở trình độ kém phát triển, bởi lẽ cơ sở vật chất - kỹ thuật của nó còn lạc hậu, thấp kém, nền kinh tế ít nhiều còn mang tính tự cấp tự túc. Tuy nhiên, nước ta không lặp lại nguyên vẹn tiến trình phát triển của các nước đi trước: kinh tế hàng hoá giản đơn chuyển lên kinh tế thị trường tự do, rồi từ kinh tế thị trường tự do chuyển lên kinh tế thị trường hiện đại, mà cần phải và có thể xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa theo kiểu rút ngắn. Điều này có nghĩa là phải đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá để phát triển nhanh chóng lực lượng sản xuất, trong một thời gian tương đối ngắn xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại để nền kinh tế nước ta bắt kịp với trình độ phát triển chung của thế giới; đồng thời phải hình thành đồng bộ

cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quản lý kinh tế vĩ mô và thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa.

II. THỰC TRẠNG VÀ CÁC MÂU THUẤN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Thực trạng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam

1.1 *Trình độ phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta còn ở giai đoạn sơ khai. Đó là do các nguyên nhân:*

– Cơ sở vật chất – kỹ thuật còn ở trình độ thấp, bên cạnh một số lĩnh vực, một số cơ sở kinh tế đã được trang bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại, trong nhiều ngành kinh tế, máy móc cũ kỹ, công nghệ lạc hậu. Theo UNDP, Việt Nam đang ở trình độ công nghệ lạc hậu 2/7 của thế giới, thiết bị máy móc lạc hậu 2-3 thế hệ (có lĩnh vực 4-5 thế hệ). Lao động thủ công vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số lao động xã hội. Do đó, năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất của nước ta còn rất thấp so với khu vực và thế giới (năng suất lao động của nước ta chỉ bằng 30% mức trung bình của thế giới).

– Kết cấu hạ tầng như hệ thống đường giao thông, bến cảng, hệ thống thông tin liên lạc... còn lạc hậu, kém phát triển (mật độ đường giao thông /km bằng 1% với mức trung bình của thế giới; tốc độ truyền thông trung bình của cả nước chậm hơn thế giới 30 lần). Hệ thống giao thông kém phát triển làm cho các địa phương, các vùng bị chia cắt, tách biệt nhau. Do đó làm cho nhiều tiềm năng của các địa phương không thể chuyên môn hoá sản xuất để phát huy thế mạnh.

– Do cơ sở vật chất – kỹ thuật còn ở trình độ thấp làm cho phân công lao động kém phát triển, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. Nền kinh tế nước ta chưa thoát khỏi nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ. Nông nghiệp vẫn sử dụng khoảng 70% lực lượng lao động, nhưng chỉ sản xuất khoảng 26% GDP, các ngành kinh tế công nghệ cao chiếm tỷ trọng thấp.

– Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường trong nước, cũng như thị trường nước ngoài còn rất yếu. Do cơ sở vật chất - kỹ thuật và công nghệ lạc hậu, nên năng suất lao động thấp, do đó khối lượng hàng hoá nhỏ bé, chủng loại hàng hoá còn nghèo nàn, chất lượng hàng hoá thấp, giá cả cao vì thế khả năng cạnh tranh còn yếu.

1.2 *Thị trường dân tộc thống nhất đang trong quá trình hình thành nhưng chưa đồng bộ.*

Do giao thông vận tải kém phát triển nên chưa lôi cuốn được tất cả các vùng trong nước vào một mạng lưới lưu thông hàng hoá thống nhất.

Thị trường hàng hoá - dịch vụ đã hình thành nhưng còn hạn hẹp và còn nhiều hiện tượng tiêu cực (hàng giả, hàng nhập lậu, hàng nhái nhãn hiệu vẫn còn làm rối loạn thị trường)

Thị trường hàng hoá sức lao động vẫn còn manh nha, một số trung tâm giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động mới xuất hiện nhưng đã nảy sinh hiện tượng khủng hoảng. nét nổi bật của thị trường này là sức cung về lao động lành nghề nhỏ hơn cầu rất nhiều, trong khi đó cung về sức lao động giản đơn lại vượt quá xa cầu, nhiều người có sức lao động không tìm được việc làm.

Thị trường tiền tệ, thị trường vốn đã có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều trắc trở, như nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân rất thiếu vốn nhưng không vay được vì vướng mắc thủ tục, trong khi đó nhiều ngân hàng thương mại huy động được tiền gửi mà không thể cho vay để ứ đọng trong két dư nợ quá hạn trong nhiều ngân hàng thương mại đã đến mức báo động. Thị trường chứng khoán ra đời nhưng cũng chưa có nhiều “hàng hoá” để mua – bán và mới có rất ít doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia thị trường này.

1.3 Nhiều thành phần kinh tế tham gia thị trường: do vậy nước ta có nhiều loại hình sản xuất hàng hoá cùng tồn tại, đan xen nhau, trong đó sản xuất hàng hoá nhỏ phân tán còn phổ biến.

1.4 Sự hình thành thị trường trong nước gắn với mở rộng kinh tế đối ngoại, hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới, trong hoàn cảnh trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật của nước ta thấp xa so với hầu hết các nước khác.

Toàn cầu hoá và khu vực hoá về kinh tế đang đặt ra chung cho các nước cũng như nước ta nói riêng những thách thức hết sức gay gắt. nhưng nó là xu thế tất yếu khách quan nên không đặt vấn đề tham gia hay không tham gia mà chỉ có thể đặt vấn đề: tìm cách xử sự với xu hướng đó như thế nào? phải chủ động hội nhập, chuẩn bị tốt để chủ động tham gia vào khu vực hoá và toàn cầu hoá, tìm ra “cái mạnh tương đối” của nước ta, thực hiện đa phương hoá, đa dạng hoá kinh tế đối ngoại, tận dụng ngoại lực để phát huy nội lực, nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc dân, định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

1.5 Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội còn yếu. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta nhận định về vấn đề này như sau: “Hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách chưa đồng bộ và

nhất quán, thực hiện chưa nghiêm. công tác tài chính, ngân hàng, giá cả, kế hoạch hoá, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai còn nhiều yếu kém; thủ tục hành chính... đổi mới chậm. Thương nghiệp nhà nước bỏ trống một số trận địa quan trọng, chưa phát huy tốt vai trò chủ đạo trên thị trường. Quản lý xuất nhập khẩu có nhiều sơ hở, tiêu cực, một số trường hợp gây tác động xấu đối với sản xuất. Chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý. bội chi ngân sách và nhập siêu còn lớn. Lạm phát tuy kiểm chế được nhưng còn chưa vững chắc”⁽¹⁾.

2. Những mâu thuẫn chủ yếu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1 Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta từ một nước phong kiến đi lên bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa nên gặp rất nhiều khó khăn và thử thách, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Điều đó đòi hỏi nhà nước ta phải có những biện pháp phù hợp để phát triển nền kinh tế thị trường nhưng vẫn giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước đây để xây dựng nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta đã xây dựng một nền kinh tế kế hoạch với hai hình thức sở hữu là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Vì vậy đã làm kìm hãm sự phát triển nền kinh tế.

Khi đất nước ta hoàn toàn thống nhất, Đảng và Nhà nước ta đã xác định nước ta sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Nhưng lúc đó chúng ta còn nhận thức đơn giản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nên chúng ta đã coi chủ nghĩa xã hội là một nhà nước của dân và do dân làm chủ, xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất nên đã thiết lập nên một nền kinh tế mà chỉ có sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Do đó đã tạo nên một nền kinh tế quản lý tập trung quan liêu bao cấp. Hậu quả là cơ quan quản lý nhà nước làm thay chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Còn các doanh nghiệp vừa bị trói buộc vì không có quyền tự chủ, vừa ỷ lại vào cấp trên vì không bị ràng buộc với kết quả sản xuất kinh doanh. Thêm vào đó bộ máy quản lý công kênh làm triệt đi tính năng động sáng tạo của các đơn vị kinh tế, hình thành cơ chế kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội. Khi đó chủ yếu phát triển kinh tế theo chiều rộng chứ không phải phát triển kinh tế theo chiều sâu. Vì vậy, tại đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986, Đảng ta đã đề ra phương hướng đổi mới kinh tế là chuyển nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

⁽¹⁾ [3,66]

Như vậy chấp nhận nền kinh tế thị trường là chúng ta chấp nhận sự mâu thuẫn của nó với tính định hướng xã hội chủ nghĩa vì nền kinh tế thị trường gồm có nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu và do đó cũng có nhiều hình thức phân phối. Sự phức tạp và đa dạng của nền kinh tế thị trường làm cho định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng khó khăn và đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ của nhà nước. Mỗi thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ có bản chất kinh tế xã hội riêng, nên bên cạnh sự thống nhất của các thành phần kinh tế, còn có những khác biệt và mâu thuẫn khiến cho nền kinh tế thị trường nước ta phát triển theo những phương hướng khác nhau. Chẳng hạn các thành phần kinh tế dựa trên chế độ tư hữu tuy có vai trò quan trọng trong việc phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nhưng vì dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, nên chúng không tránh khỏi tính tự phát chạy theo lợi nhuận đơn thuần, nảy sinh những hiện tượng tiêu cực làm tổn hại đến lợi ích chung của xã hội. Vì vậy, thành phần kinh tế nhà nước phải được xây dựng và phát triển có hiệu quả để thực hiện tốt vai trò của mình; đồng thời Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý vĩ mô kinh tế – xã hội để đảm bảo cho nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2 Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với giải quyết công ăn việc làm

Cùng với quá trình đổi mới kinh tế, chuyển nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa các chính sách xã hội cũng được đổi mới, điều chỉnh và sửa đổi liên tục theo hướng huy động mọi nguồn lực trong xã hội bao gồm nhà nước, cộng đồng và người dân cùng thực hiện. Một trong các chính sách quan trọng đó là vấn đề giải quyết công ăn việc làm.

Phát triển nền kinh tế thị trường tức là đa dạng hoá các loại hình sản xuất kinh doanh, áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và tạo ra sản phẩm có chất lượng cao. Đồng thời phải đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc dân để tạo nên sự tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của toàn bộ nền kinh tế. Như vậy khoa học - kỹ thuật ngày càng phát triển và được ứng dụng vào quá trình sản xuất thì sự thay thế con người bằng máy móc diễn ra càng nhanh. Cùng với sự gia tăng dân số thì số người thất nghiệp hàng năm là hết sức trầm trọng.

Thất nghiệp là nguy cơ dẫn đến nghèo đói và các tệ nạn xã hội khác. Đối với người lao động, thiếu hoặc không có việc làm là một nguy cơ dẫn đến thu nhập thấp hoặc không có thu nhập. Mặt khác nó không chỉ tước mất quyền bình đẳng được làm việc của người lao

động để phát huy năng lực, mà còn vừa không có thu nhập bảo đảm cho cuộc sống của bản thân người lao động và gia đình họ. Bởi vậy, Nhà nước phải có chính sách giải quyết việc làm, tạo sự bình đẳng về quyền lao động và thu nhập. Đại hội Đảng VIII đã khẳng định “bảo đảm công ăn việc làm cho dân là một mục tiêu xã hội hàng đầu, không để thất nghiệp trở thành căn bệnh kinh niên”⁽¹⁾.

Cùng với Bộ luật lao động, Chính phủ đã ban hành các nghị định và thông tư để tạo ra cơ sở pháp lý cho quan hệ lao động trong cơ chế thị trường, thúc đẩy thị trường lao động phát triển, tạo việc làm. Nhờ có các chính sách đúng đắn và sự tham gia tích cực của các tổ chức và nhân dân, nên việc giải quyết việc làm đã có những chuyển biến tích cực, số người có việc làm đã tăng lên đáng kể. Qua cải cách hành chính và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, lao động trong khu vực nhà nước giảm từ 14,7% năm 1991 xuống còn 9% năm 2000, khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể thu hút khoảng 90%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thu hút được 33 vạn lao động. Điều đó cho thấy việc phát triển đa dạng các thành phần kinh tế đã góp phần rất lớn vào việc giải quyết công ăn việc làm. Tuy nhiên từ năm 2001 đến nay tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nhà nước có xu hướng tăng trở lại.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị được thể hiện qua bảng số liệu sau:

CHỈ TIÊU	Đơn vị: %			
	2000	2001	2002	2003
Cả nước	6,44	6,25	6,01	5,78
<i>A. Phân theo vùng</i>				
Đồng bằng sông Hồng	7,34	7,07	6,64	6,37
Đông Bắc	6,49	6,73	6,10	5,94
Tây Bắc	6,02	5,62	5,11	4,19
Bắc Trung Bộ	6,87	6,72	5,82	5,45
Duyên hải Nam Trung Bộ	6,31	6,16	5,49	5,46
Tây Nguyên	5,16	5,55	4,92	4,39
Đông Nam Bộ	6,20	5,92	6,31	6,08
Đồng Bằng Sông Cửu Long	6,15	6,08	5,52	5,26
<i>B. Một số thành phố lớn</i>				
Tp. Hà Nội	7,95	7,39	7,08	6,84
Tp. Đà Nẵng	5,95	5,54	5,30	5,16

⁽¹⁾ [3, 99]

Tp. Hồ Chí Minh	6,48	6,04	6,73	6,58
-----------------	------	------	------	------

Nguồn: niên giám thống kê (tóm tắt) 2003, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2004, trang 13.

Bên cạnh một số kết quả đã đạt được trong vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động thì vẫn còn những hạn chế cần được giải quyết. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn cao. Cơ cấu và chất lượng chuyển dịch lao động còn chậm, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo thấp (20%), năng suất lao động không cao. Còn thiếu những chính sách chưa đủ mạnh để khuyến khích đầu tư, khai thác, huy động các nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm. Việc thực hiện mục tiêu quốc gia về giải quyết việc làm ở một số địa phương còn lúng túng; việc giải ngân quỹ quốc gia về hỗ trợ việc làm còn chậm, hiệu quả một số dự án tạo việc làm còn thấp. Đây là những tồn tại cần phải khắc phục để giải quyết triệt để vấn đề việc làm cho người lao động.

2.3 Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với sự phân hoá giàu nghèo.

Nền kinh tế thị trường phát triển, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội nhưng không vì vậy mà đời sống của nhân dân được nâng cao và ổn định. Trái lại cùng với quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thì cũng diễn ra sự phân hoá giàu nghèo, sự phân tầng xã hội theo mức sống ngày càng tăng.

Năm 1993, theo kết quả điều tra giàu nghèo của 91732 hộ trên phạm vi cả nước, tính chung khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo là 6,2 lần. Các năm 1994, 1995, 1996, Tổng cục thống kê đã tiến hành điều tra hộ gia đình đa mục tiêu với cỡ mẫu 4,5 vạn hộ và năm 1999 điều tra 2,5 vạn hộ đại diện cho cả nước, 7 vùng sinh thái, khu vực thành thị, nông thôn, thì chênh lệch thu nhập giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo là 6,5 lần năm 1994, 7 lần năm 1995, 7,3 lần năm 1996 và 8,9 lần năm 1999. Như vậy hệ số chênh lệch thu nhập giữa nhóm hộ giàu và hộ nghèo tăng dần qua các năm trên phạm vi cả nước cũng như trong từng vùng.

Bảng so sánh nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất, mỗi nhóm 20% số hộ điều tra

CHỈ TIÊU	Đơn vị: lần			
	1994	1995	1996	1999
Toàn quốc	6,5	7,0	7,3	8,9
1. Chia theo khu vực:				

- Thành thị	7,0	7,7	8,0	9,8
- Nông thôn	5,4	5,8	6,1	6,3
<i>2. Chia theo vùng:</i>				
- Tây Bắc và Đông Bắc	5,2	5,7	6,1	6,8
- Đồng bằng sông Hồng	5,6	6,1	6,6	7,0
- Bắc Trung Bộ	5,2	5,7	5,9	6,9
- Duyên hải Nam Trung Bộ	4,9	5,5	5,7	6,3
- Tây Nguyên	10,1	12,7	12,8	12,9
- Đông Nam Bộ	7,4	7,6	7,9	10,3
- Đồng bằng sông Cửu Long	6,1	6,4	6,4	7,9

Nguồn: Tổng cục thống kê: số liệu về sự chuyển biến xã hội ở Việt Nam thời kỳ đổi mới, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2000.

Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng dân rộng sẽ lan sang các lĩnh vực khác như giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, nhà ở và các dịch vụ cơ bản khác... Điều đó đưa đến hệ quả không mong muốn, làm xuất hiện những nhóm xã hội dễ bị tổn thương trong nền kinh tế thị trường, tác động đến tư tưởng, tâm lý, niềm tin về công bằng xã hội. Vì thế, cần tăng cường vai trò của nhà nước đối với phân phối thu nhập nhằm từng bước thực hiện mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.4 Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái

Nền kinh tế ngày càng phát triển, đặc biệt là các ngành công nghiệp đã làm cho môi trường ngày càng ô nhiễm.

Trong suốt những năm qua, con người đã thường xuyên tác động trực tiếp tới thiên nhiên và cải biến môi trường sống. Con người đã khai thác than đá, sắt, và các kim loại khác, nắn dòng sông, đào kênh, bạt núi, xây dựng các trạm thủy điện với các hồ chứa nước nhân tạo... những hoạt động đó đã ảnh hưởng tới khí hậu, từ đó tác động mạnh tới sinh quyển. Trước đây, ở nước ta có 3/4 diện tích đất đai là rừng, nay chỉ còn 1/4 là rừng. Nhiều loại gỗ quý như gụ, lát hoa, giáng hương, sến, táu... đã bị khai thác đến mức gần như cạn kiệt.

Rừng bị triệt hạ nhiều làm cho lượng ôxi trong không khí và lượng chất hữu cơ sản sinh bị giảm sút rõ rệt. Lượng nước dự trữ do rừng giữ lại ngày càng ít dần, làm cho quá trình sa mạc hoá và thảo nguyên hoá càng tăng nhanh. Quá trình đô thị hoá nhanh làm cho diện tích đất trồng ngày càng bị thu hẹp. Sự phân phối nước ngọt cho người và cho vật nuôi, cây trồng cũng bị hạn chế. Tiến bộ khoa học kỹ thuật được

Ứng dụng tích cực vào sản xuất đã kéo theo sự nhiễm bẩn của tất cả các quyển. Các chất thải của nhà máy làm cho các hồ ao, sông ngòi, cửa biển, cảng và biển cả bị nhiễm bẩn ngày càng nhiều. Các tàu biển đã thải ra biển và đại dương nhiều chất thải độc hại, làm chết nhiều sinh vật nổi và những sinh vật khác ăn sinh vật nổi cũng chết theo...

Những khí thải của các nhà máy khi vào trong khí quyển đã làm tăng lượng khí CO và CO₂ trong không khí gây hiện tượng hiệu ứng nhà kính, gây thủng tầng ôzôn, làm cho trái đất nóng lên dẫn đến băng ở hai cực Trái Đất tan ra, vì vậy nước biển sẽ dâng lên và nhấn chìm đất liền.

Sự ô nhiễm bầu khí quyển làm cho trái đất ngày càng nóng lên dẫn đến sự thay đổi thời tiết, khí hậu ở Việt Nam cũng như ở các khu vực khác trên thế giới. Gần đây hiện tượng sóng thần đã gây thiệt hại nặng nề về người và của cho các nước ở khu vực Nam Á và Đông Nam Á. Ở nước ta, tuy không nằm trong khu vực ảnh hưởng của sóng thần nhưng với thời tiết khô và nhiệt độ cao đã gây ra hàng loạt các vụ cháy rừng ở Sơn La và hạn hán ở Tây Nguyên, Ninh Thuận, Bình Thuận...

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường thì nó đã kéo theo hàng loạt các nhân tố gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Đây là vấn đề quan trọng được đặt ra không chỉ ở Việt Nam mà cả trên toàn thế giới. Nó đòi hỏi cần phải được giải quyết triệt để nếu không môi trường bị phá huỷ là con người sẽ tự huỷ hoại môi trường sống của chính bản thân mình.

Sự phát triển của mỗi quốc gia chỉ có thể bền vững khi môi trường sống và thiên nhiên được bảo vệ tốt, duy trì được mối cân bằng sinh thái, tránh bị ô nhiễm và biết cách khai thác, sử dụng, phục hồi một cách hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Những giải pháp chung để phát triển nền kinh tế thị trường

1.1 Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần

Trước khi xây dựng kinh tế kế hoạch, xoá bỏ kinh tế thị trường, chúng ta thiết lập một cơ cấu sở hữu đơn giản với hai hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Vì vậy, khi chuyển sang kinh tế hàng hoá vận hành theo cơ chế thị trường, cần phải đổi mới cơ cấu sở hữu cũ, bằng cách đa dạng hoá các hình thức sở hữu, điều đó sẽ đưa đến hình thành những chủ kinh tế độc lập, có lợi ích riêng, tức là khôi phục một trong những cơ sở của kinh tế hàng hoá.

Trên cơ sở đa dạng hoá các hình thức sở hữu, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Lấy việc phát triển sức sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế – xã hội, cải thiện đời sống nhân dân là mục tiêu quan trọng để khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh. Theo tinh thần đó tất cả các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, đều được khuyến khích phát triển.

Trong những năm tới cần phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Muốn vậy cần tập trung nguồn lực phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước trong những lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế, sắp xếp lại khu vực doanh nghiệp nhà nước, thực hiện tốt chủ trương cổ phần hoá và đa dạng hoá sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn. Xây dựng và củng cố một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh việc đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong các doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện chế độ quản lý công ty đối với tất cả các doanh nghiệp kinh doanh có vốn của Nhà nước, doanh nghiệp thực sự cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh.

Phát triển kinh tế kinh tế tập thể dưới nhiều hình thức đa dạng. Trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Nhà nước cần giúp đỡ hợp tác xã về đào tạo cán bộ, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường. Thực hiện tốt việc chuyển đổi hợp tác xã theo Luật hợp tác xã.

Khuyến khích kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển ở cả thành thị và nông thôn. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển có hiệu quả. Khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân phát triển trong những ngành nghề sản xuất kinh doanh mà luật pháp không cấm. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế tư nhân trong và ngoài nước: tạo điều kiện để kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hướng vào mục tiêu phát triển các sản phẩm xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh, gắn thu hút vốn với thu hút công nghệ hiện đại.

1.2 Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học – công nghệ; trên cơ sở đó đẩy mạnh phân công lao động xã hội.

Phân công lao động xã hội là cơ sở chung của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Vì vậy, để phát triển kinh tế hàng hoá phải đẩy mạnh phân công lao động xã hội. Nhưng sự phát triển của phân công lao động xã hội do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quyết định, cho nên muốn mở rộng phân công lao động xã hội, cần đẩy mạnh công nghiệp

hoá, hiện đại hoá đất nước để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của nền sản xuất lớn hiện đại.

Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có những bước nhảy vọt, gắn công nghiệp hóa với hiện đại hoá, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ tiên tiến, hiện đại về khoa học và công nghệ: Ứng dụng nhanh và phổ biến hơn ở mức độ cao hơn những thành tựu công nghệ hiện đại và tri thức mới, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Cùng với việc trang bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại cho các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tiến hành phân công lại lao động và phân bố dân cư trong phạm vi cả nước, cũng như ở từng vùng, từng địa phương; hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý cho phép khai thác tốt nhất các nguồn lực của đất nước, tạo nên sự tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của toàn bộ nền kinh tế.

1.3 Hình thành và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường, hầu hết các nguồn lực kinh tế đều thông qua thị trường mà được phân bố vào các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế một cách tối ưu. Vì vậy, để xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải hình thành và phát triển đồng bộ các loại thị trường. Trong những năm tới chúng ta cần phải:

- Phát triển thị trường hàng hoá và dịch vụ thông qua việc đẩy mạnh sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển hệ thống giao thông và phương tiện vận tải để mở rộng thị trường. Hình thành thị trường sức lao động có tổ chức để tạo điều kiện cho sự di chuyển sức lao động theo yêu cầu phát triển kinh tế và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

- Xây dựng thị trường vốn, từng bước hình thành và phát triển thị trường chứng khoán để huy động các nguồn vốn vào phát triển sản xuất.

- Quản lý chặt chẽ đất đai và thị trường nhà ở. Xây dựng và phát triển thị trường thông tin, thị trường khoa học công nghệ. Hoàn thiện các loại thị trường đi đôi với xây dựng khuôn khổ pháp lý và thể chế, tăng cường sự kiểm tra, giám sát của nhà nước, để thị trường hoạt động năng động, có hiệu quả, có trật tự, kỷ cương trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh. Có biện pháp hữu hiệu chống buôn lậu và gian lận thương mại.

1.4 Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

Trong điều kiện hiện nay, chỉ có mở cửa kinh tế, hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới, mới thu hút được vốn và kỹ thuật và công nghệ hiện đại để khai thác tiềm năng và thế mạnh của đất nước nhằm phát triển kinh tế.

Khi mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phải quán triệt nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào nội bộ của nhau. Mở rộng kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hoá và đa dạng hoá các hình thức kinh tế đối ngoại.

Hiện nay, cần đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là trọng điểm của kinh tế đối ngoại. Giảm dần nhập siêu, ưu tiên nhập khẩu tư liệu sản xuất để phục vụ sản xuất. Tranh thủ mọi khả năng và bằng nhiều hình thức thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài cần hướng vào những lĩnh vực, những sản phẩm có công nghệ tiên tiến, có tỷ trọng xuất khẩu cao. Việc sử dụng vốn vay phải có hiệu quả để trả được nợ, cải thiện được cán cân thanh toán. Chủ động tham gia tổ chức thương mại quốc tế, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc với bước đi thích hợp.

1.5 Giữ vững ổn định chính trị, hoàn thiện hệ thống luật pháp.

Sự ổn định chính trị bao giờ cũng là nhân tố quan trọng đầu tiên để phát triển. Nó là điều kiện để các nhà sản xuất kinh doanh trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư. Muốn giữ vững sự ổn định chính trị ở nước ta hiện nay cần phải giữ và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam, nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Hệ thống pháp luật đồng bộ là công cụ quan trọng để Nhà nước quản lý nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Nó tạo ra hành lang luật pháp cho hoạt động kinh tế, buộc các doanh nghiệp chấp nhận sự điều tiết của Nhà nước.

1.6 Xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước.

Việc xoá bỏ triệt để cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, hình thành đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế hàng hoá của nước ta.

Để nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, cần nâng cao năng lực của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, thực hiện cải cách nền hành chính quốc gia. Nhà nước thực hiện định

hướng sự phát triển kinh tế; có hệ thống chính sách nhất quán để tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho hoạt động kinh tế; hạn chế những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường. Nhà nước thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công, không can thiệp vào chức năng quản trị kinh doanh để các doanh nghiệp có quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Nhà nước sử dụng các biện pháp kinh tế là chính để điều tiết nền kinh tế, chứ không phải là mệnh lệnh. Vì vậy, phải tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách tiền lương và giá cả.

2. Những giải pháp khắc phục mâu thuẫn của nền kinh tế thị trường

2.1 Khắc phục mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với tính định hướng xã hội chủ nghĩa

Trong nền kinh tế thị trường với sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế với nhiều hình thức sở hữu khác nhau thì kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo. Việc xác lập vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là vấn đề có tính nguyên tắc và là sự khác biệt có tính chất bản chất giữa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở nước ta đã quyết định kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Bởi lẽ mỗi một chế độ xã hội đều có một cơ sở kinh tế tương ứng với nó, kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể tạo nền tảng cho chế độ xã hội mới – xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Bên cạnh việc phát triển kinh tế nhà nước để thành phần kinh tế này giữ vai trò chủ đạo cần giáo dục tư tưởng lý luận cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp trí thức và những chủ thể sản xuất kinh doanh để họ nhận thức đúng đắn đường lối phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Từ đó họ có những phương thức sản xuất kinh doanh phù hợp với con đường mà Đảng và Nhà nước ta đã chọn.

Cần nhận thức rõ ràng, mỗi thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có bản chất kinh tế - xã hội riêng, chịu sự tác động của các quy luật kinh tế riêng, nên bên cạnh sự thống nhất của các thành phần kinh tế, còn có sự khác biệt và mâu thuẫn khiến cho nền kinh tế thị trường của nước ta có khả năng phát triển theo những phương hướng khác nhau. Chẳng hạn các thành phần kinh tế dựa trên chế độ tư hữu tuy có vai trò quan trọng trong việc phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nhưng vì dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất nên chúng không tránh khỏi tính tự phát chạy theo lợi nhuận

đơn thuần, nảy sinh những hiện tượng tiêu cực làm tổn hại đến lợi ích chung của xã hội. Vì vậy, kinh tế nhà nước phải được xây dựng và phát triển có hiệu quả để thực hiện tốt vai trò chủ đạo của mình; đồng thời Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý vĩ mô kinh tế – xã hội để đảm bảo cho nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2 Khắc phục mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với giải quyết công ăn việc làm.

Giải quyết việc làm là nhân tố quyết định đến phát huy nhân tố con người, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Tạo nhiều việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội và là vấn đề cấp bách hiện nay. Để thực hiện các mục tiêu đó, cần giải quyết hai vấn đề có tính chất quyết định: tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Bản thân sự tăng trưởng kinh tế đã bao hàm ý nghĩa xã hội sâu sắc là tăng thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, tạo tiền đề vật chất cải thiện đời sống của nhân dân. Vì vậy, cần tập trung nguồn lực, tăng cường sự chỉ đạo của Trung ương và sự nỗ lực của các ngành, các địa phương thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2001 – 2005, nhờ đó tạo thêm việc làm. Việc thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần sẽ giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa các nguồn lực bên trong và bên ngoài vào phát triển kinh tế, tạo việc làm, cải thiện đời sống của nhân dân. Để tạo việc làm cho người lao động có thể thực hiện một số giải pháp sau:

– Phát triển khu vực kinh tế tư nhân: Phát triển khu vực kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng đối với việc tạo việc làm mới, giảm bớt đói nghèo. Các bộ phận chủ yếu của kinh tế tư nhân là các hộ gia đình, các trang trại, các doanh nghiệp tư nhân. Trong những năm gần đây, khả năng tạo việc làm mới cho người lao động của các doanh nghiệp tư nhân trong nước là rất lớn, mặc dù số lượng nhân công chỉ khoảng 0,5 triệu người, các hộ gia đình và trang trại khoảng 34 triệu người. Khu vực tư nhân phi nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng vì khu vực này chính là nơi có tiềm năng tạo việc làm lớn nhất. Khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ của khu vực kinh tế tư nhân cũng là một giải pháp tốt để tạo việc làm.

– Phát triển toàn diện kinh tế nông thôn: Để giải quyết việc làm ở nông thôn cần tập trung sức đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng đó sẽ thu hút lao động vào các ngành, nghề. Vì thế, phát triển

ngành, nghề nông thôn được coi là động lực trực tiếp giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn.

– Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Nước ta đang thiếu nghiêm trọng những lao động kỹ thuật cao thuộc các ngành mũi nhọn, lao động nông thôn chưa qua đào tạo là trở ngại cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Vì thế phải phát triển giáo dục - đào tạo, đặc biệt là nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới nội dung và cơ cấu ngành, nghề trong nền kinh tế thị trường; quy hoạch lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng một cách hợp lý. Làm như vậy sẽ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

– Đẩy mạnh xuất khẩu lao động và chuyên gia: Để đẩy mạnh xuất khẩu lao động cần phải tăng cường đào tạo nghề cho người lao động; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động bằng cách tăng thị phần ở các thị trường hiện có, nghiên cứu mở rộng thị trường mới về xuất khẩu lao động; đa dạng hoá ngành nghề, hình thức và thành phần tham gia xuất khẩu lao động. Cần chấn chỉnh và sắp xếp lại các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu lao động và tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp này, xử lý nghiêm các vi phạm để tránh gây thiệt hại cho người lao động.

– Tăng quỹ quốc gia về hỗ trợ việc làm và sử dụng có hiệu quả quỹ đó, thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá giải quyết việc làm. Cần sử dụng tổng hợp các nguồn lực trong nước; sự đóng góp của các doanh nghiệp, các đoàn thể và cộng đồng; sự giúp đỡ của quốc tế để giải quyết vấn đề lao động và việc làm.

2.3 Giải pháp thực hiện vấn đề xoá đói giảm nghèo.

Để thực hiện được mục tiêu này, những vấn đề có tính quyết định là duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và tạo được nhiều việc làm cho người lao động. Muốn vậy, cần thực hiện một số giải pháp sau:

– Tạo môi trường kinh tế – xã hội, cơ chế, chính sách thuận lợi cho các thành phần kinh tế, mọi công dân được quyền tự do sản xuất, kinh doanh theo pháp luật. Nhờ đó, huy động tối đa các nguồn lực vào phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập. Đây là giải pháp cơ bản để xoá đói giảm nghèo nhanh và bền vững.

– Phát triển nông nghiệp và nông thôn: phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp, công

nghiệp chế biến và dịch vụ, đưa ngành nghề mới vào nông thôn. Việc phát triển khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn có vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm cho người lao động và nâng cao hiệu quả kinh tế nông thôn.

– Tăng cường hỗ trợ cho người nghèo phát triển sản xuất, vươn lên làm giàu: Hỗ trợ vốn cho người nghèo, hướng dẫn người nghèo làm kinh tế, tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đặc biệt cho các xã khó khăn, trước hết là xây dựng đường giao thông đến các xã, thôn, bản tạo điều kiện cho phát triển kinh tế.

– Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội, đặc biệt là các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục, kế hoạch hoá gia đình, nước sạch sinh hoạt...

– Thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá công tác xoá đói giảm nghèo. Cụ thể là: Đa dạng hoá các nguồn lực cho xoá đói giảm nghèo; tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm xoá đói giảm nghèo từ Trung ương đến cơ sở và người dân, tạo phong trào và sức mạnh tổng hợp xoá đói giảm nghèo; thực hiện quy chế dân chủ, đảm bảo cho người nghèo tham gia vào các công cuộc xoá đói, giảm nghèo, công khai về nguồn lực tài chính đảm bảo sự trợ giúp đến được với người nghèo; tổ chức thực hiện nhân rộng các mô hình xoá đói giảm nghèo thành công.

2.4 Giải pháp nhằm bảo vệ môi trường sinh thái.

Sản xuất theo chu kỳ khép kín; khử và lọc nước và khí thải; nghiên cứu những nhiên liệu mới không hoặc ít gây ô nhiễm; thay thế dần các nhà máy công nghiệp đang dùng bằng các nhà máy có hệ thống nước khép kín.

Bảo đảm lọc nước theo hệ thống ao lọc; phủ xanh các cơ sở công nghiệp; vận dụng mạnh mẽ hơn các biện pháp đấu tranh sinh học; xây dựng những vùng kinh tế rừng, xây dựng nhiều khu rừng quốc gia.

Rừng không chỉ sản xuất ra gỗ mà còn là một cỗ máy khổng lồ của thiên nhiên làm điều hoà khí hậu, giữ ẩm cho đất, góp phần ngăn chặn các nạn lũ lụt, xói mòn đất đai. Vì vậy, phải có quy hoạch tổng thể khoa học, vừa khai thác rừng, vừa trồng và bảo vệ rừng, xây dựng các khu rừng cấm quốc gia, tăng cường sử dụng các biện pháp đấu tranh sinh học, bảo đảm sự cân bằng sinh học trong rừng, chống nạn cháy rừng.

Luật bảo vệ môi trường của nước ta đã được Quốc hội thông qua năm 1993 nêu lên những quy định tập trung vào các vấn đề sau: bảo vệ các thành phần cơ bản của môi trường, bảo vệ môi trường tổng

hợp ở những khu vực khác nhau, phòng chống ô nhiễm và tai biến môi trường.

Luật môi trường bao gồm các quy định về việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, ngăn chặn tác động tiêu cực, phục hồi các tổn thất, không ngừng cải thiện tài nguyên thiên nhiên và chất lượng môi trường, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Bảo vệ môi trường bằng pháp luật là biện pháp hết sức quan trọng.

KẾT LUẬN

Trải qua quá trình đấu tranh khó khăn và gian khổ, khi đất nước thống nhất, Đảng và nhà nước ta quyết định đưa nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, Việt Nam xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chứ không phải nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Việc làm rõ bản chất, đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lý luận và thực tiễn.

Sự phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta tuy còn có nhiều khó khăn và thử thách nhưng đã đạt được những thành tựu đáng kể. Bên cạnh đó thì vẫn còn tồn tại những hạn chế, mâu thuẫn cấp bách cần được giải quyết nhằm xây dựng một nền kinh tế ngày càng hoàn thiện hơn. Trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các chính sách kinh tế – xã hội để giải quyết những mâu thuẫn đó nhằm tạo ra một nền kinh tế ngày càng phát triển và hoàn thiện. Thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân,

thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đưa đất nước vững bước phát triển theo con đường đã chọn.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

A. LỜI NÓI ĐẦU

B. NỘI DUNG CHI TIẾT

I. SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Sự cần thiết khách quan.

2. Cơ sở khách quan của sự tồn tại và phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

3. Tác dụng to lớn của sự phát triển kinh tế thị trường.

II. THỰC TRẠNG VÀ CÁC MÂU THUẪN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Thực trạng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Trình độ phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta còn ở giai đoạn sơ khai.

1.2 *Thị trường dân tộc thống nhất đang trong quá trình hình thành nhưng chưa đồng bộ.*

1.3 *Nhiều thành phần kinh tế tham gia thị trường.*

1.4 *Sự hình thành thị trường trong nước gắn với mở rộng kinh tế đối ngoại, hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới.*

1.5 *Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội còn yếu.*

2. Những mâu thuẫn chủ yếu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1 *Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với tính định hướng xã hội chủ nghĩa.*

2.2 *Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với giải quyết công ăn việc làm*

2.3 *Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với sự phân hoá giàu nghèo.*

2.4 *Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái.*

III. NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Những giải pháp chung để phát triển nền kinh tế thị trường

1.1 *Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần.*

1.2 *Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*

- 1.3 *Hình thành và phát triển đồng bộ các loại thị trường.*
- 1.4 *Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.*
- 1.5 *Giữ vững ổn định chính trị, hoàn thiện hệ thống luật pháp.*
- 1.6 *Xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp.*
2. Những giải pháp khắc phục mâu thuẫn của nền kinh tế thị trường
 - 2.1 *Khắc phục mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với tính định hướng xã hội chủ nghĩa*
 - 2.2 *Khắc phục mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế thị trường với giải quyết công ăn việc làm.*
 - 2.3 *Giải pháp thực hiện vấn đề xoá đói giảm nghèo.*
 - 2.4 *Giải pháp nhằm bảo vệ môi trường sinh thái.*

C. KẾT LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Bình (Chủ biên): “Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Nxb Chính trị quốc gia.
2. Trường Chinh: “Về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1970.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: “Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: “Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001
5. Tổng cục thống kê: “Số liệu về sự biến đổi xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới”, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2000.
6. Tổng cục thống kê: “Niên giám thống kê(tóm tắt)2003”, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2004.
7. Các tạp chí: Tạp chí Cộng sản, Nghiên cứu kinh tế, Lý luận chính trị...